

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

*Năm tài chính đầu tiên
từ ngày 01/04/2015 đến ngày 31/12/2015*



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng thành viên	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
4. Báo cáo kết quả kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 29



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 (gọi tắt là năm tài chính 2015).

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm 2015 và cho đến thời điểm lập bản báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch
- Ông Lâm Tiến Dũng	Phó Chủ tịch
- Ông Phan Thành Tiến	Thành viên
- Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên
- Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên
- Ông Phan Công Đức	Thành viên
- Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên

Trong năm 2015 không có sự thay đổi các quản trị Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm 2015 và cho đến thời điểm lập bản báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban
- Ông Trịnh Thanh Tùng	Kiểm soát viên
- Ông Nguyễn Văn Hiền	Kiểm soát viên

Trong năm 2015 không có sự thay đổi các quản trị Ban kiểm soát.

3. Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm 2015 bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Phan Thành Tiến	Tổng Giám đốc
- Ông Phan Công Đức	Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Dục	Phó Tổng giám đốc

Trong năm 2015 không có sự thay đổi các quản trị Ban Tổng giám đốc.

4. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Công ty có hai đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu, đặt tại số 27 đường Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Cái Cui, đặt tại số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

5. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (kho ngoại quan); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuê hải quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải, xe container;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuê hải quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 29.

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	799.728.953 VND
- Lợi nhuận khác	277.623.014 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.077.351.967 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	- VND
- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	1.077.351.967 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Tại thời điểm 31/12/2015, Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam chưa quyết toán vốn với Công ty nên khoản lỗ thuộc giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước vẫn còn được chuyển sang giai đoạn Công Cổ phần số tiền lỗ là 10.785.895.137 đồng. Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ chưa tính chi phí thuế TNDN hiện hành của năm tài chính đầu tiên.

7. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có

8. **Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:** Không có

9. **Kiểm toán**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 cho Công ty.

10. **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

11. **Phê duyệt báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 04 tháng 03 năm 2016
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN VĂN HẠNH



Số: 19/2016/SVCT - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ ("Công ty") được lập ngày 24 tháng 02 năm 2016 từ trang 6 đến trang 29 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

292/33/33 Bình Lợi, P.13 Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax: (84-8) 3553 3732
Email: saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô 66, đường số 11, khu dân cư Công ty cổ phần xây dựng Tp.Cần Thơ, 4
P.Hưng Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ.
Tel: (0710) 3765 999 * Fax: (0710) 3765 766 * Email: svc-ct@vnn.vn

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Đến thời điểm 31/12/2015, Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam chưa quyết toán vốn với Công ty nên khoản lỗ thuộc giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước vẫn còn được chuyển sang giai đoạn Công ty Cổ phần với số tiền lỗ là 10.785.895.137 đồng. Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ thực hiện chuyển lỗ đối với khoản lỗ của giai đoạn trước cổ phần hóa nên không tính chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2015 đối với khoản lợi nhuận phát sinh trong giai đoạn Công ty cổ phần. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về vấn đề này mà sẽ tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Nhơn
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0325-2013-107-1
Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, CN Cần Thơ
Cần Thơ, ngày 04 tháng 03 năm 2016

Đặng Thị Thiên Nga
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462-2013-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/04/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		69.710.939.225	56.261.890.849
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	36.179.686.455	19.987.630.370
1. Tiền	111		9.879.686.455	9.687.630.370
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.300.000.000	10.300.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	2.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.000.000.000
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.2	31.613.239.473	32.944.644.852
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		26.910.792.945	26.275.174.822
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		111.900.000	393.252.300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		4.936.983.595	6.276.217.730
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(346.437.067)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.3	542.964.708	764.734.576
1. Hàng tồn kho	141		542.964.708	764.734.576
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.4	1.375.048.589	564.881.051
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.174.646.779	174.159.345
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		174.476.157	390.721.706
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		25.925.653	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		345.053.394.258	356.411.711.237
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		30.000.000	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.5	30.000.000	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		268.245.744.610	281.507.563.391
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	262.435.863.441	275.811.316.362
- Nguyên giá	222		387.933.609.461	385.967.351.734
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(125.497.746.020)	(110.156.035.372)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	5.809.881.169	5.696.247.029
- Nguyên giá	228		8.055.335.602	7.803.335.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.245.454.433)	(2.107.088.573)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		68.124.198.408	68.081.737.117
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	68.124.198.408	68.081.737.117
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		4.497.251.573	4.497.251.573
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	4.497.251.573	4.497.251.573
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		4.156.199.667	2.325.159.156
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	4.156.199.667	2.255.159.156
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	70.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		414.764.333.483	412.673.602.086

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/04/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		139.673.176.653	138.659.497.223
I. Nợ ngắn hạn	310		34.705.883.515	96.477.242.733
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	1.342.620.384	1.092.067.910
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	91.883.419	488.923.638
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.786.408.659	2.703.993.701
4. Phải trả người lao động	314		4.304.341.629	2.799.435.994
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	20.880.318.218	2.279.131.783
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	1.142.532.000	500.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	5.157.779.206	86.613.689.707
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		104.967.293.138	42.182.254.490
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	145.090.907
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	41.051.639.264	41.152.619.264
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	63.915.653.874	884.544.319
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		275.091.156.830	274.014.104.863
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	275.091.156.830	274.014.104.863
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.800.000.000	284.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.800.000.000	284.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(9.708.843.170)	(10.785.895.137)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(10.785.895.137)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.077.051.967	(10.785.895.137)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		414.764.333.483	412.673.602.086

Thái Thị Mỹ Linh
Người lập

Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng

Phan Thành Tiến
Tổng Giám Đốc

Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2016


CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

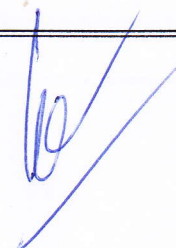
Mẫu số : B 02 - DN

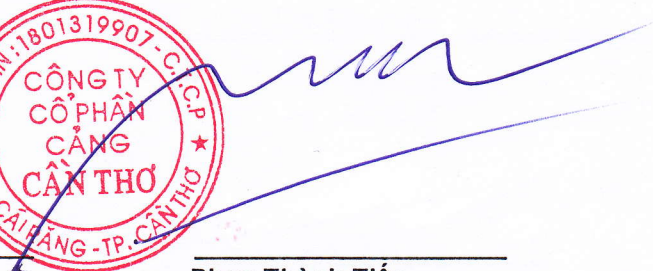
Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		97.596.020.408	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	97.596.020.408	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	69.771.764.963	-
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	27.824.255.445	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	2.329.278.330	-
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	4.269.772.762	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.269.772.762	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	3.100.055.013	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	21.984.277.047	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		799.428.953	-
11. Thu nhập khác	31	VI.6	280.075.677	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.452.663	-
13. Lợi nhuận khác	40		277.623.014	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.11	1.077.051.967	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.9	1.077.051.967	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	38	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-


Thái Thị Mỹ Linh
 Người lập


Lâm Trúc Sơn
 Kế toán trưởng


Phan Thành Tiến
 Tổng Giám đốc
 Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số : B 03 - DN

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

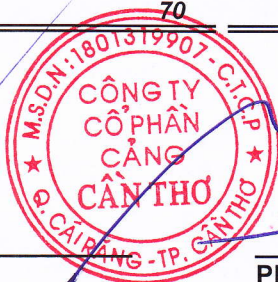
(Theo phương pháp trực tiếp)


Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	84.759.072.967	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(52.171.095.705)	-
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.176.075.870)	-
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(22.135.722)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	51.526.656.377	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(54.942.265.468)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.974.156.579	-
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(590.819.376)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.865.328.571	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.274.509.195	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(110.568.041)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(110.568.041)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	16.138.097.733	-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.987.630.370	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	53.958.352	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	36.179.686.455	-


Thái Thị Mỹ Linh
 Người lập


Lâm Trúc Sơn
 Kế toán trưởng




Phan Thành Tiến
 Tổng Giám đốc
 Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 đăng ký lần đầu ngày 31/10/2013 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 20/04/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp. Tuy nhiên, thực tế Công ty cổ phần nhận chuyển giao số liệu từ Công ty Một thành viên Cảng Cần Thơ kể từ ngày 01/04/2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 284.800.000.000 bao gồm 28.480.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 với tỷ lệ sở hữu như sau:

<i>Cổ đông</i>	<i>Số lượng cổ phần</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	28.208.500	282.085.000.000	99,05%
- Các cổ đông khác	271.500	2.715.000.000	0,95%
Cộng	28.480.000	284.800.000.000	100,00%

Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 là 284.800.000.000 và phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (kho ngoại quan); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuê hải quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải, xe container;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuê hải quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở của Công ty đặt tại số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Công ty có hai đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu, đặt tại số 27 đường Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ;

Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Cái Cui, đặt tại số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

6. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính cuối cùng của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ kết thúc vào ngày 31/03/2015 đã được kiểm toán chuyển sang làm số dư đầu năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm đầu tiên được bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 (gọi tắt là năm 2015).

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

- Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

- Cuối niên độ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Tại ngày 31/12/2015, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá cần trích lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	08 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	10 - 25 năm
- Tài sản cố định vô hình (Quyền sử dụng đất có thời hạn)	50 năm

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm tài chính này, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản đi vay được thể hiện theo giá gốc.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Năm 2015, không có khoản chi phí lãi vay nào cần được vốn hóa.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Công ty trích quỹ tiền lương tính vào chi phí theo lương cơ bản nhân hệ số cộng với các khoản phụ cấp.

13. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế đã phát hành và mệnh giá cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua vào và được trình bày trên bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm cuối năm 2015, Công ty không có số dư cổ phiếu quỹ.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp thỏa mãn các điều kiện của Chuẩn mực kế toán về ghi nhận doanh thu.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn.

16. Thuế

Theo quy định của Luật quản lý thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22%. Tuy nhiên, tại thời điểm 31/12/2015, Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam chưa quyết toán vốn với Công ty nên khoản lỗ thuộc giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước vẫn còn được chuyển sang giai đoạn Công Cổ phần với số tiền lỗ là 10.785.895.137 đồng. Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ chưa tính chi phí thuế TNDN hiện hành của năm tài chính đầu tiên.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm tài chính 2015, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

17. Số dư đầu năm

Số liệu dư đầu năm tại ngày 01/04/2015 là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính cuối cùng của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ kết thúc vào ngày 31/03/2015 đã được kiểm toán chuyển sang làm số dư đầu năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Khoản mục	31/12/2015	01/04/2015
Tiền mặt	183.178.674 (a)	232.453.383
Tiền gửi ngân hàng	9.696.507.781 (b)	9.450.459.546
Tiền đang chuyển	-	4.717.441
Các khoản tương đương tiền	26.300.000.000 (c)	10.300.000.000
Cộng	36.179.686.455	19.987.630.370

(a) Chi tiết số dư tiền mặt tồn quỹ tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Văn phòng Công ty	92.365.789
- Cảng Hoàng Diệu	25.107.401
- Cảng Cái Cui	65.705.484
Cộng	183.178.674

(b) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Văn phòng Công ty	5.170.275.538
- Cảng Hoàng Diệu	2.770.936.572
- Cảng Cái Cui	1.755.295.671
Cộng	9.696.507.781

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
Văn phòng Công ty – Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	26.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Cần thơ	19.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, CN Cần thơ	1.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, CN Cần thơ	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Á, CN Cần thơ	5.000.000.000
Cộng	26.300.000.000

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

Khoản mục	31/12/2015	01/04/2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	26.910.792.945 (d)	26.275.174.882
Trả trước cho người bán ngắn hạn	111.900.000 (f)	393.252.300
Phải thu ngắn hạn khác	4.936.983.595 (g)	6.276.217.730
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(346.437.067) (e)	-
Cộng	31.613.239.473	32.944.644.912

(d) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Văn phòng Công ty (e)	26.482.765.485
- Cảng Hoàng Diệu	101.326.153
- Cảng Cái Cui	326.701.307
Cộng	26.910.792.945

(e) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại Văn phòng Công ty tại ngày 31/12/2015 như sau:

Khách hàng	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Công ty TNHH Giấy Lee & Man Việt Nam	2.109.249.340	-
- Công ty CP Vận tải Liên hiệp Huy Hoàng	8.155.815.297	-
- Công ty TNHH SXDV TM Thủy Sơn	1.458.115.975	-
- Nguyễn Thị Mỹ Linh	1.434.841.896	-
- Các khách hàng khác	13.324.742.977	346.437.067
Cộng	26.482.765.485	346.437.067

(f) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Văn phòng Công ty	111.900.000	-
Cộng	111.900.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(g) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2015 như sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Trong đó nợ khó đòi</i>
- Văn phòng Công ty (h)	3.663.833.555	-
- Cảng Hoàng Diệu (i)	991.824.308	86.668.825
- Cảng Cái Cui (j)	281.325.732	-
Cộng	4.936.983.595	86.668.825

(h) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn khác của Văn phòng Công ty tại ngày 31/12/2015 như sau:

<i>Khách hàng</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Trong đó nợ khó đòi</i>
Dư Nợ 138 – Phải thu khác	1.098.815.707	-
- Tạm ứng tiền lương tổ giúp việc cổ phần hóa	204.000.000	-
- Chi phí cổ phần hóa	575.454.545	-
- Phải thu khoản tạm chi trợ cấp thôi việc	205.695.950	-
- Công ty Đông Hà	61.055.363	-
- Phải thu khác	52.609.849	-
Dư Nợ 141 – Tạm ứng	2.553.371.374	-
Dư Nợ 338 – Phải trả khác	11.646.474	-
Cộng	3.663.833.555	-

(i) Chi tiết số dư phải thu khác của Cảng Hoàng Diệu tại ngày 31/12/2015 như sau:

<i>Khách hàng</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Trong đó nợ khó đòi</i>
Dư Nợ 138 – Phải thu khác	166.095.535	86.668.825
- Đặng Trường Sơn (&)	86.668.825	86.668.825
- Chi phí cổ phần hóa	7.680.560	-
- Phải thu khác	71.746.150	-
Dư Nợ 141 – Tạm ứng	825.728.773	-
Cộng	991.824.308	86.668.825

(&) Đây là khoản nợ tạm ứng sửa chữa nhưng không thu hồi được và chưa được Công ty trích lập dự phòng.

(j) Chi tiết số dư phải thu khác của Cảng Cái Cui tại ngày 31/12/2015 như sau:

<i>Khách hàng</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Trong đó nợ khó đòi</i>
Dư Nợ 138 – Phải thu khác	5.415.732	-
Dư Nợ 141 – Tạm ứng	275.910.000	-
Cộng	281.325.732	-

(k) Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2015 như sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Nợ khó đòi</i>	<i>Số đã trích lập dự phòng</i>	<i>Số chưa trích lập dự phòng</i>
- Văn phòng Công ty	346.437.067	346.437.067	-
- Cảng Hoàng Diệu	86.668.825	-	86.668.825
Cộng	433.105.892	346.437.067	86.668.825

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Hàng tồn kho

Khoản mục	31/12/2015	01/04/2015
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	12.204.864 (l)	65.493.666
Công cụ, dụng cụ trong kho	303.525.154 (m)	265.635.356
Hàng hóa tồn kho	227.234.689 (n)	433.605.554
Cộng giá gốc hàng tồn kho	542.964.707	764.734.576

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(l) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Cảng Cái Cui	12.204.864
Cộng	12.204.864

(m) Đây là giá trị công cụ dụng cụ chưa đưa vào sử dụng của Cảng Hoàng Diệu.

(n) Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho tại ngày 31/12/2015 như sau:

	Số tiền
- Nhiên liệu các loại tại Văn phòng Công ty	227.234.689
Cộng	227.234.689

4. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản mục	31/12/2015	01/04/2015
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.174.646.779 (o)	174.159.345
Thuế GTGT được khấu trừ	174.476.157	390.721.706
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	25.925.653 V.12	-
Cộng	1.375.048.589	564.881.051

(o) Chi tiết số dư chi phí trả trước ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ - Văn phòng Công ty	877.446.864
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ - Cảng Cái Cui	297.199.915
Cộng	1.174.646.779

5. Phải thu dài hạn khác

Khoản mục	31/12/2015	01/04/2015
Phải thu dài hạn khác	30.000.000 (p)	-
Cộng	30.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(p) Chi tiết số dư phải thu dài hạn khác tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Văn phòng Công ty	-
- Cảng Hoàng Diệu (q)	30.000.000
Cộng	30.000.000

(q) Chi tiết số dư phải thu dài hạn khác của Cảng Hoàng Diệu tại ngày 31/12/2015 như sau:

	Số tiền
- Trung đoàn vận tải 659	30.000.000
Cộng	30.000.000

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

6.1. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình – Văn phòng Công ty

Loại tài sản	01/04/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Nguyên giá	330.275.454	1.966.257.727	-	2.296.533.181
- Máy móc, thiết bị	-	210.454.545	-	210.454.545
- PT vận tải, TB truyền dẫn	282.075.454	1.721.803.182	-	2.003.878.636
- Thiết bị quản lý	-	34.000.000	-	34.000.000
- Tài sản cố định khác	48.200.000	-	-	48.200.000
Hao mòn lũy kế	21.646.386	95.642.544	-	117.288.930
- Máy móc, thiết bị	-	6.344.697	-	6.344.697
- PT vận tải, TB truyền dẫn	17.629.716	82.749.035	-	100.378.751
- Thiết bị quản lý	-	3.966.669	-	3.966.669
- Tài sản cố định khác	4.016.670	2.582.143	-	6.598.813
Giá trị còn lại	308.629.068			2.179.244.251
- Máy móc, thiết bị	-			204.109.848
- PT vận tải, TB truyền dẫn	264.445.738			1.903.499.885
- Thiết bị quản lý	-			30.033.331
- Tài sản cố định khác	44.183.330			41.601.187

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm tài chính 2015 tại Văn phòng Công ty như sau:

	Số tiền
- Xe đào bánh xích	230.000.000
- Romooc 45	346.895.909
- BĂNG TẢI HẠ HAI ĐẦU	281.500.000
- Xe Ford Everest	863.407.273
- Các TSCĐ khác	244.454.545
Cộng	1.966.257.727

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.2. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình – Cảng Hoàng Diệu

Loại tài sản	01/04/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Nguyên giá	150.164.292.206	-	-	150.164.292.206
- Nhà cửa, vật kiến trúc	105.856.888.041	-	-	105.856.888.041
- Máy móc, thiết bị	3.349.695.995	-	-	3.349.695.995
- PT vận tải, TB truyền dẫn	40.709.455.411	-	-	40.709.455.411
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	85.932.250	-	-	85.932.250
- Tài sản cố định khác	162.320.509	-	-	162.320.509
Hao mòn lũy kế	73.002.368.839	6.041.976.886	-	79.044.345.725
- Nhà cửa, vật kiến trúc	44.446.914.983	3.990.224.327	-	48.437.139.310
- Máy móc, thiết bị	2.205.167.805	214.924.565	-	2.420.092.370
- PT vận tải, TB truyền dẫn	26.172.887.171	1.815.362.755	-	27.988.249.926
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	75.497.750	3.712.595	-	79.210.345
- Tài sản cố định khác	101.901.130	17.752.644	-	119.653.774
Giá trị còn lại	77.161.923.367			71.119.946.481
- Nhà cửa, vật kiến trúc	61.409.973.058			57.419.748.731
- Máy móc, thiết bị	1.144.528.190			929.603.625
- PT vận tải, TB truyền dẫn	14.536.568.240			12.721.205.485
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	10.434.500			6.721.905
- Tài sản cố định khác	60.419.379			42.666.735

6.3. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình – Cảng Cái Cui

Loại tài sản	01/04/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Nguyên giá	235.472.784.074	-	-	235.472.784.074
- Nhà cửa, vật kiến trúc	210.690.538.645	-	-	210.690.538.645
- Máy móc, thiết bị	2.067.430.094	-	-	2.067.430.094
- PT vận tải, TB truyền dẫn	22.714.815.335	-	-	22.714.815.335
Hao mòn lũy kế	37.132.020.147	9.204.091.218	-	46.336.111.365
- Nhà cửa, vật kiến trúc	26.607.607.350	6.985.400.742	-	33.593.008.092
- Máy móc, thiết bị	717.064.239	208.506.465	-	925.570.704
- PT vận tải, TB truyền dẫn	9.807.348.558	2.010.184.011	-	11.817.532.569
Giá trị còn lại	198.340.763.927			189.136.672.709
- Nhà cửa, vật kiến trúc	184.082.931.295			177.097.530.553
- Máy móc, thiết bị	1.350.365.855			1.141.859.390
- PT vận tải, TB truyền dẫn	12.907.466.777			10.897.282.766

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

7.1. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình – Văn phòng Công ty

Chỉ tiêu	01/04/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Nguyên giá	-	252.000.000	-	252.000.000
- Phần mềm kế toán	-	252.000.000	-	252.000.000
Hao mòn lũy kế	-	25.200.000	-	25.200.000
- Phần mềm kế toán	-	25.200.000	-	25.200.000
Giá trị còn lại	-			226.800.000
- Phần mềm kế toán	-			226.800.000

7.2. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình (Chi phí bồi hoàn cho Quân Khu 9) – Cảng Hoàng Diệu

Chỉ tiêu	01/04/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Nguyên giá	7.803.335.602	-	-	7.803.335.602
- Quyền sử dụng đất	7.803.335.602	-	-	7.803.335.602
Hao mòn lũy kế	2.107.088.573	113.165.860	-	2.220.254.433
- Quyền sử dụng đất	2.107.088.573	113.165.860	-	2.220.254.433
Giá trị còn lại	5.696.247.029			5.583.081.169
- Quyền sử dụng đất	5.696.247.029			5.583.081.169

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản mục	31/12/2015	01/04/2015
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	68.124.198.408 (r)	68.081.737.117
Cộng	68.124.198.408	68.081.737.117

(r) Chi tiết số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2015 như sau:

	Số tiền
Văn phòng Công ty	42.464.291
Cảng Cái Cui	68.081.734.117
- Chi phí XD CBDD Công trình Cảng Cái Cui – Giai đoạn I	59.433.908.642
- Chi phí XD CBDD Công trình Cảng Cái Cui – Giai đoạn II	8.647.825.475
Cộng	68.124.198.408

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Khoản mục	31/12/2015	01/04/2015
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4.497.251.573 (s)	4.497.251.573
Cộng	4.497.251.573	4.497.251.573

(s) Chi tiết số dư khoản đầu tư vào Công ty liên doanh tại ngày 31/12/2015 như sau:

	Số tiền
- Góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thanh Tuấn	4.497.251.573
Cộng	4.497.251.573

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trong năm tài chính 2015, Công ty đã phân bổ vào doanh thu hoạt động tài chính khoản lợi nhuận trước thuế được chia từ liên doanh nêu trên từ khoản doanh thu chưa thực hiện số tiền 1.642.532.000.

10. Tài sản dài hạn khác

Khoản mục	31/12/2015	01/04/2015
Chi phí trả trước dài hạn	4.156.199.667 (t)	2.255.159.156
Tài sản dài hạn khác	-	70.000.000
Cộng	4.156.199.667	2.325.159.156

(t) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Văn phòng Công ty	3.338.832.202
- Cảng Hoàng Diệu	132.293.023
- Cảng Cái Cui	685.074.442
Cộng	4.156.199.667

11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản mục	31/12/2015	01/04/2015
Phải trả người bán ngắn hạn	1.342.620.384 (u)	1.092.067.910
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	91.883.419	488.923.638
Cộng	1.434.503.803	1.580.991.548

(u) Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Văn phòng Công ty	1.342.620.384
Cộng	1.342.620.384

12. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
Phải nộp	2.703.993.701	12.459.382.430	13.402.893.125	1.760.483.006
- Thuế giá trị gia tăng	1.059.513.937	9.752.612.683	9.815.533.856	996.592.764
- Thuế TNCN	2.573.030	-	1.608.995	964.035
- Thuế nhà đất	979.638.227	2.706.494.747	3.585.475.274	100.657.700
- Các loại thuế khác	662.268.507	275.000	275.000	662.268.507
Cộng	2.703.993.701	12.459.382.430	13.402.893.125	1.760.483.006

Trong đó: Thuế GTGT phải nộp đã bù trừ với số phải thu của Cảng Cái Cui là 25.925.653

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

Khoản mục	31/12/2015	01/04/2015
- Chi phí phải trả ngắn hạn	20.880.318.218 (v)	2.279.131.783
Cộng	20.880.318.218	2.279.131.783

(v) Chi tiết số dư chi phí phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Văn phòng Công ty – Chi phí lãi vay	18.941.726.383
- Văn phòng Công ty – Chi phí phải trả khác	1.938.591.835
Cộng	20.880.318.218

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Khoản mục	31/12/2015	01/04/2015
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.142.532.000 (w)	645.090.907
Cộng	1.142.532.000	645.090.907

(w) Chi tiết số dư doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Văn phòng Công ty – Doanh thu liên doanh cho thuê bến bãi	500.000.000
- Văn phòng Công ty – Doanh thu cho thuê mặt bằng	642.532.000
Cộng	1.142.532.000

15. Phải trả ngắn hạn khác

Khoản mục	31/12/2015	01/04/2015
- Phải trả ngắn hạn khác	5.157.779.206 (x)	86.613.689.707
Cộng	5.157.779.206	86.613.689.707

(x) Chi tiết số dư các khoản phải trả ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
- Văn phòng Công ty (y)	4.771.027.293
- Cảng Hoàng Diệu (z)	305.683.274
- Cảng Cái Cui (aa)	81.068.639
Cộng	5.157.779.206

(y) Chi tiết số dư các khoản phải trả ngắn hạn khác của Văn phòng Công ty tại ngày 31/12/2015 như sau:

Nội dung	Số tiền
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	2.575.822.849
- Tiền mua cổ phần của CBCNV	1.308.165.950
- Phải trả khác	887.038.494
Cộng	4.771.027.293

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(z) Chi tiết số dư các khoản phải trả ngắn hạn khác của Cảng Hoàng Diệu tại ngày 31/12/2015 như sau:

Nội dung	Số tiền
- Ký quỹ Công ty TNHH Rexel Việt Nam	100.000.000
- Phải trả khác	205.683.274
Cộng	305.683.274

(aa) Chi tiết số dư các khoản phải trả ngắn hạn khác của Cảng Cái Cui tại ngày 31/12/2015 như sau:

Nội dung	Số tiền
- Nhận ký quỹ ngắn hạn của khách hàng	40.000.000
- Phải trả khác	41.068.639
Cộng	81.068.639

16. Phải trả dài hạn khác

Khoản mục	31/12/2015	01/04/2015
- Phải trả dài hạn khác	41.051.039.264 (bb)	41.152.619.264
Cộng	41.051.039.264	41.152.619.264

(bb) Chi tiết số dư phải trả dài hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
Cảng Cái Cui	40.601.002.614
- UBND TP. Cần Thơ – Quyết toán dự án đầu tư Giai đoạn I	32.023.518.102
- Lãi vay phải trả Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	7.881.484.512
- Nhận ký quỹ dài hạn của khách hàng	696.000.000
Cảng Hoàng Diệu	450.636.650
- Nhận ký quỹ dài hạn của khách hàng	450.636.650
Cộng	41.051.639.264

17. Vay và nợ dài hạn

Khoản mục	31/12/2015	01/04/2015
- Vay dài hạn	63.915.653.874 (cc)	884.544.319
Cộng	63.915.653.874	884.544.319

(cc) Chi tiết số dư khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số tiền
Văn phòng Công ty	63.915.653.874
- Cảng Sài Gòn – Khoản vay của Ngân hàng Thế giới	773.976.278
- Vietinbank – Chi nhánh Chương Dương	63.141.677.596
Cộng	63.915.653.874

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	01/04/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Vốn góp của CSH	284.800.000.000	-	-	284.800.000.000
- CPPT có quyền biểu quyết	284.800.000.000	-	-	284.800.000.000
Lợi nhuận ST chưa PP	(10.785.895.137)	1.077.351.967	-	(9.708.543.170)
- Năm trước	(10.785.895.137)	-	-	(10.785.895.137)
- Năm nay	-	1.077.351.967	-	1.077.351.967
Cộng	274.014.104.863	1.077.351.967	-	275.091.456.830

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Khoản mục	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ
- Văn phòng Công ty	58.906.783.343	31.935.199.734	26.971.583.609	45,79%
- Cảng Hoàng Diệu	24.407.059.609	24.120.240.467	286.819.142	1,18%
- Cảng Cái Cui	14.282.177.456	13.716.324.762	565.852.694	3,96%
Cộng	97.596.020.408	69.771.764.963	27.824.255.445	28,51%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

Khoản mục	Năm nay
- Văn phòng Công ty (dd)	2.137.006.413
- Cảng Hoàng Diệu (ee)	86.310.166
- Cảng Cái Cui – Lãi tiền gửi ngân hàng	105.961.751
Cộng	2.329.278.330

(dd) Chi tiết doanh thu hoạt động tài chính năm 2015 của Văn phòng Công ty bao gồm:

	Số tiền
- Lãi tiền gửi ngân hàng	494.474.413
- Doanh thu liên doanh cho thuê bến bãi	1.642.532.000
Cộng	2.137.006.413

(ee) Chi tiết doanh thu hoạt động tài chính năm 2015 của Cảng Hoàng Diệu bao gồm:

	Số tiền
- Lãi tiền gửi ngân hàng	32.351.814
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	53.958.352
Cộng	86.310.166

3. Chi phí tài chính

Khoản mục	Năm nay
- Văn phòng Công ty - Chi phí lãi vay	4.269.772.762
Cộng	4.269.772.762

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí bán hàng

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>
- Văn phòng Công ty	2.971.863.804
- Cảng Hoàng Diệu	128.191.209
Cộng	3.100.055.013

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>
- Văn phòng Công ty (5.1)	10.742.665.718
- Cảng Hoàng Diệu (5.2)	5.163.474.533
- Cảng Cái Cui (5.3)	6.078.136.796
Cộng	21.984.277.047

5.1. Chi phí quản lý doanh nghiệp - Văn phòng Công ty

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	5.473.583.258
- Chi phí vật liệu quản lý	739.348.402
- Chi phí đồ dùng văn phòng	69.454.797
- Chi phí khấu hao TSCĐ	53.333.997
- Thuế, phí và lệ phí	79.714.197
- Dự phòng nợ khó đòi	346.437.067
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	961.781.380
- Chi phí bằng tiền khác	3.019.012.620
Cộng	10.742.665.718

5.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp - Cảng Hoàng Diệu

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	3.588.222.455
- Chi phí vật liệu quản lý	19.436.131
- Chi phí khấu hao TSCĐ	279.349.468
- Thuế, phí và lệ phí	11.679.737
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	447.444.670
- Chi phí bằng tiền khác	817.342.072
Cộng	5.163.474.533

5.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp - Cảng Cái Cui

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.551.210.417
- Chi phí vật liệu quản lý	117.255.367
- Chi phí đồ dùng văn phòng	13.713.371
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.536.580.196
- Thuế, phí và lệ phí	3.221.771
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	350.341.073
- Chi phí bằng tiền khác	505.814.601
Cộng	6.078.136.796

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Thu nhập khác

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>
- Văn phòng Công ty	250.369.522
- Cảng Hoàng Diệu	29.706.155
Cộng	280.075.677

7. Chi phí khác

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>
- Văn phòng Công ty	1.198.628
- Cảng Hoàng Diệu	1.254.035
Cộng	2.452.663

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>
- Chi phí nguyên vật liệu	3.173.447.207
- Chi phí nhân công	10.575.857.526
- Chi phí khấu hao TSCĐ	12.447.504.667
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.884.012.776
- Chi phí khác bằng tiền	14.015.563.760
- Chi phí bán hàng	3.100.055.013
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.984.277.047
Cộng	87.180.717.996

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào CPTTNDNHH năm nay	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-

Tại thời điểm 31/12/2015, Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam chưa quyết toán vốn với Công ty nên khoản lỗ thuộc giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước vẫn còn được chuyển sang giai đoạn Công ty Cổ phần với số tiền lỗ là 10.785.895.137 đồng. Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ chưa tính chi phí thuế TNDN hiện hành của năm tài chính đầu tiên.

10. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDNHL	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<i>Khoản mục</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các việc hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại phải trả		-
- Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
11. Phân phối lợi nhuận		
Số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01/04/2015 (*)		(10.785.895.137)
Lợi nhuận kế toán trước thuế năm tài chính 2015 (9 tháng)		1.077.051.967
Trong đó,		
Lợi nhuận của Văn phòng Công ty		11.373.458.632
Lỗ của Cảng Hoàng Diệu		(4.890.084.314)
Lỗ của Cảng Cái Cui		(5.406.322.351)
Số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2015		(9.708.843.170)
(*) Đây là khoản lỗ thuộc giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước trước khi cổ phần hóa nhưng Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam chưa quyết toán vốn với Công ty cổ phần.		
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận sau thuế	1.077.051.967	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	28.480.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	38	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:** không có
- Thông tin về các bên liên quan:** không có
- Thông tin về hoạt động liên tục**

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai và có khả năng hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

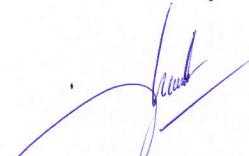
Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/04/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

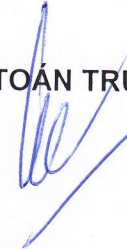
5. Thông tin so sánh

Số liệu dư đầu năm tại ngày 01/04/2015 là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính cuối cùng của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ kết thúc vào ngày 31/03/2015 đã được kiểm toán chuyển sang làm số dư đầu năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ.

NGƯỜI LẬP


THÁI THỊ MỸ LINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG


LÂM TRÚC SƠN

Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÂM TRÚC SƠN


PHAN THÀNH TIẾN

